TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Dương Xuân Thanh;
Ông Nguyễn Thành Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát Vên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Hải V, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Lê Hồng N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-12-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Quách Hải V trình bày:

Chị và anh Lê Hồng N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X1, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 năm 2009. Chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên yêu cầu ly hôn với anh Lê Hồng N.

- Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Lê Quách Thanh P, sinh ngày 28-5-2011, đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh N không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn anh Lê Hồng N đã khai: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị V. Anh và chị V kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Hải V.

- Về con chung: Theo chị V trình bày cháu Lê Quách Thanh P, sinh ngày 28-5-2011 là con chung của anh và chị V thì anh không chấp nhận. Anh xác định giữa anh và chị V không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị N không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát Vên tham gia phiên tòa:

Vệc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát Vên chưa thấy vấn đề V phạm tố tụng.

Về nội dung: Chị Quách Hải V và anh Lê Hồng N kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp theo qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Chị N xác định giữa chị với anh N có một con chung tên Lê Quách Thanh P, sinh ngày 28-5-2011 nhưng anh N không thừa nhận cháu P là con chung của anh N với chị V nhưng anh N không có chứng cứ chứng minh nên căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sơ xác định cháu P là con chung giữa chị V với anh N. Xét thấy từ ngày ly thân cho đến nay chị V chăm sóc cháu P và theo nguyện vọng của cháu P muốn sống với chị V nên giao cháu P cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V đối với anh N.

Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Anh N không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Quách Hải V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị V và anh N, anh N có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về hôn nhân: Chị Quách Hải V và anh Lê Hồng N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống có phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện để hàn gắn, đoàn tụ. Tuy Nên, anh N có đơn hoà giải, xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V. Do đó xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị V và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh N.

[3]. Về con chung: Chị V xác định giữa chị và anh N có một con chung tên Lê Quách Thanh P, sinh ngày 28-5-2011; anh N không thừa nhận cháu P là con chung của anh N với chị V nhưng anh N không có chứng cứ chứng minh nên căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sơ xác định cháu P là con chung giữa chị V với anh N. Xét thấy từ ngày ly thân chị V chăm sóc cháu P đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu P muốn sống với chị V nên giao cháu P cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh N trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Quách Hải V phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Hải V đối với anh Lê Hồng N. Chị V được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Quách Thanh P, sinh ngày 28-5-2011 cho chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh N trong Vệc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Quách Hải V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021157 ngày 05-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Quách Hải V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hồng N có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi anh N cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã X1 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu